

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA KÌ 1

MÔN SINH HỌC 10

ĐỀ 1

Phần I. Trắc nghiệm (3,0 điểm)

Câu 1: Phát biểu nào sau đây **không** đúng khi nói về học thuyết tế bào?

- A. Tất cả các sinh vật đều được cấu tạo từ một hoặc nhiều tế bào.
- B. Tế bào là đơn vị cơ bản (đơn vị cơ sở) của sự sống.
- C. Các tế bào được sinh ra từ các tế bào có trước.
- D. Tế bào không phải là đơn vị nhỏ nhất cấu tạo nên mọi cơ thể sinh vật.

Câu 2: Ở người, nguyên tố hoá học nào sau đây là nguyên tố vi lượng?

- A. Iodine.
- B. Carbon.
- C. Hydrogen.
- D. Nitrogen.

Câu 3: Hợp chất hữu cơ nào sau đây chỉ được cấu tạo từ ba loại nguyên tố C, H và O?

- A. Carbohydrate.
- B. Lipid.
- C. Protein.
- D. Nucleic acid.

Câu 4: Vùng nhân của tế bào vi khuẩn có đặc điểm gì?

- A. Chứa một phân tử DNA dạng vòng, kép.
- B. Chứa một phân tử DNA liên kết với protein.
- C. Chứa một phân tử DNA mạch thẳng, xoắn kép.
- D. Chứa một phân tử DNA dạng vòng, đơn.

Câu 5: Liên kết peptide có ở hợp chất hữu cơ nào sau đây?

- A. Carbohydrate.
- B. Lipid.
- C. Protein.
- D. Nucleic acid.

Câu 6: Loại nucleotide nào sau đây **không** có trong thành phần cấu tạo của DNA?

- A. Guanine.
- B. Uracil.
- C. Adenine.
- D. Cytosine.

câu 7: Ở một số loại vi khuẩn, bên ngoài lớp thành tế bào còn có lớp vỏ nhầy. Thành phần chính của lớp vỏ nhầy là:

- A. Polysaccharide.
- B. Cellulose.
- C. Protein.
- D. Lipoprotein.

Câu 8: Trong cấu trúc phân tử RNA không có nucleotide loại:

- A. Adenine.
- B. Thymine.
- C. Cytosine.
- D. Guanine.

Câu 9: Vai trò của phân tử RNA vận chuyển là:

- A. Làm khuôn cho quá trình dịch mã.
- B. Thành phần chủ yếu cấu tạo nên Ribosome.
- C. Vận chuyển nucleotide vào nhân để phiên mã.
- D. Vận chuyển amino acid đến ribosome để dịch mã.

Câu 10: Loại carbohydrate nào sau đây không tan trong nước:

- A. Glucose.
- B. Saccharose.
- C. Lactose.
- D. Chitin.

Câu 11: Phát biểu nào sau đây là **sai** khi nói về các nguyên tố đa lượng:

- A. Tham gia cấu tạo nên các đại phân tử hữu cơ như nucleic acid, protein ...
- B. Gồm các nguyên tố chiếm tỉ lệ lớn hơn 0,01% tổng lượng chất khô của cơ thể.
- C. Các nguyên tố C, H, O, P, Mg ... là nguyên tố đa lượng.
- D. Tham gia cấu tạo nên hầu hết các loại enzyme của cơ thể.

Câu 12: Nhận định nào sau đây không đúng với vai trò của nước trong tế bào?

- A. Cung cấp năng lượng cho tế bào hoạt động.
- B. Là nguyên liệu tham gia vào quá trình chuyển hóa vật chất.
- C. Điều hòa nhiệt độ ổn định cho tế bào.
- D. Là dung môi hòa tan nhiều chất

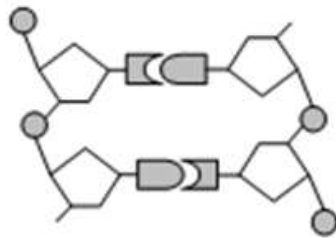
Phần II. TN đúng sai

Câu 1: Các phát biểu sau đây đúng hay sai khi nói về vai trò của nước đối với sự sống?

- A. Nước là thành phần chủ yếu cấu tạo nên các tế bào và cơ thể.
- B. Nước không phải là nguyên liệu của phản ứng sinh hoá.
- C. Nước tham gia điều hoà nhiệt độ của cơ thể.
- D. Nước chỉ là dung môi hoà tan nhiều hợp chất mà không phải là nguyên liệu trực tiếp tham gia vào bất cứ phản ứng nào.

Câu 2: 1 đoạn phân tử sinh học có cấu trúc như hình vẽ sau

D.



Những phát biểu sau đây là đúng hay sai về phân tử sinh học trên

- A. Đây là loại phân tử được cấu tạo theo nguyên tắc đa phân, đơn phân là các nucleotid
- B. Trên hình vẽ trên, hình ngũ giác biểu thị cho phân tử đường có 6 nguyên tố cacbon
- C. Liên kết giữa các hình màu đậm đối diện nhau là liên kết cộng hóa trị, kém bền
- D. Nếu liên kết giữa các phân tử đường bị phá vỡ, thông tin di truyền sẽ bị thay đổi

Phần III. Tự luận

Câu 1 Nêu đặc điểm của học thuyết tế bào

Câu 2: Phân tử sinh học là gì? Kể tên một số phân tử sinh học trong tế bào.

Câu 3: Hãy nêu vai trò của các nguyên tố hóa học

ĐỀ 2:

Câu 1: DNA được cấu tạo từ những nucleotide nào sau đây?

- A. A, T, U, G. B. A, U, G, C. C. A, T, U, C. D. A, T, G, C.

Câu 2: Thành tế bào vi khuẩn cấu tạo từ

- A. peptidoglycan. B. xenlulose. C. kitin. D. polysaccharide.

Câu 3: Khi nhuộm màu bằng phương pháp nhuộm Gram, vi khuẩn Gram âm có màu gì?

- A. Màu xanh. B. Màu tím. C. Màu vàng. D. Màu đỏ.

Câu 4: Chức năng của phân tử tARN là

- A. cấu tạo nên riboxom. B. vận chuyển acid amin.
C. bảo quản thông tin di truyền. D. vận chuyển các chất qua màng.

Câu 5: Liên kết peptide có ở hợp chất hữu cơ nào sau đây?

- A. Carbohydrate. B. Lipid. C. Protein. D. Nucleic acid.

Câu 6: Loại nucleotide nào sau đây **không** có trong thành phần cấu tạo của DNA?

- A. Guanine. B. Uracil. C. Adenine. D. Cytosine.

Câu 7. Tại sao nói tế bào là đơn vị chức năng của cơ thể sống?

- A. Vì mọi cơ thể sống đều được cấu tạo từ một hoặc nhiều tế bào.
B. Vì tế bào có khả năng phân chia không giới hạn.
C. Vì mọi hoạt động sống của cơ thể đều diễn ra trong tế bào.
D. Vì vật chất di truyền của tế bào là DNA.

Câu 8: Trình tự các sự kiện nào dưới đây phản ánh đúng trình tự các bước trong quy trình nghiên cứu khoa học?

- A. Đặt câu hỏi → Quan sát → Hình thành giả thuyết → Thiết kế thí nghiệm → Phân tích kết quả → Rút ra kết luận.
B. Quan sát → Hình thành giả thuyết → Đặt câu hỏi → Phân tích kết quả → Thiết kế thí nghiệm → Rút ra kết luận.
C. Quan sát → Đặt câu hỏi → Hình thành giả thuyết → Thiết kế thí nghiệm → Phân tích kết quả → Rút ra kết luận.
D. Hình thành giả thuyết → Thiết kế thí nghiệm → Phân tích kết quả → Đặt ra câu hỏi → Rút ra kết luận.

Câu 9: Các cấp độ tổ chức sống cơ bản bao gồm

- A. nguyên tử, phân tử, bào quan.
B. nguyên tử, phân tử, tế bào, cơ thể.
C. tế bào, cơ thể, quần thể, quần xã – hệ sinh thái.

D. phân tử, bào quan, tế bào, cơ thể.

Câu 10: Carbohydrate được chia thành đường đơn, đường đôi và đường đa dựa vào

A. số lượng nguyên tử carbon có trong phân tử đường đó.

B. số lượng liên kết glycosidic giữa các đơn phân.

C. số lượng đơn phân có trong phân tử đường đó.

D. số lượng phân tử glucose có trong phân tử đường đó.

Câu 11: Nucleotide là đơn phân của

A.nucleic acid. **B.**protein. **C.**carbohydrate. **D.**lipid.

Câu 12: Trong cấu tạo của tế bào nhân sơ, thành phần có vai trò giúp tế bào bám dính vào bề mặt tế bào sinh vật khác là

A. Lông.

B. Thành tế bào.

C. Màng sinh chất.

D. Roi.

Phần II. TN đúng sai

Câu 1: Cho các nhận định sau về vai trò của carbohydrate trong tế bào và cơ thể, xét tính đúng/ sai của mỗi nhận định.

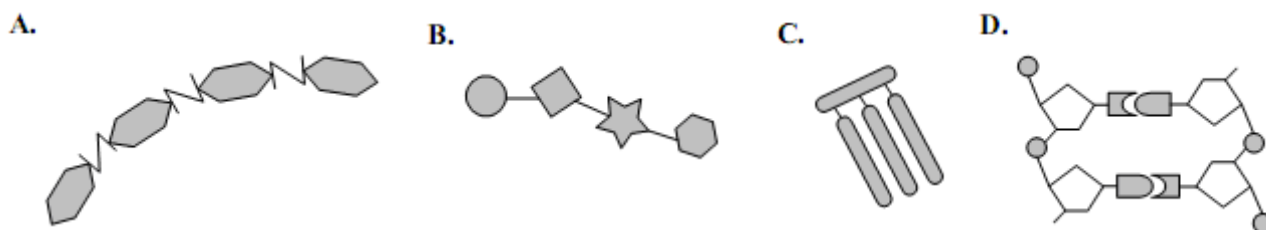
A. Cellulose tham gia cấu tạo thành tế bào thực vật.

B. Glycogen là chất dự trữ của cơ thể thực vật.

C. Glucose là nguyên liệu chủ yếu cho quang hợp.

D. Tinh bột là chất dự trữ trong cây.

Câu 2: Các hình vẽ dưới đây mô tả 4 đại diện của các đại phân tử sinh học trong tế bào:



A. Hình A được cấu tạo theo nguyên tắc đa phân, đơn phân là các nucleotit

B. hình A,B, D có nguyên tắc cấu tạo giống nhau

C. Trong các phân tử sinh học trên, phân tử hình A có thể cung cấp nhiều năng lượng nhất.

D. Phân tử hình B có thể tạo nên màu da ở người.

Phần III: Tự luận

Câu 1: Nêu đặc điểm chung của tế bào nhân sơ.

Câu 2: Hãy nêu vai trò của protein trong tế bào?

Câu 3. Tại sao chúng ta nên bổ sung protein cho cơ thể từ nhiều loại thức ăn khác nhau mà không nên chỉ ăn một vào loại thức ăn dù những loại đó rất bổ dưỡng?

Đề 3:

Phần I; TN lựa chọn 1 phương án

Câu 1: Đơn vị cấu trúc và chức năng của cơ thể sống là:

- A. Tế bào B. Quần thể C. Quần xã D. Hệ sinh thái

Câu 2: Trong cơ thể sống cần khoảng bao nhiêu nguyên tố hoá học?

- A. 15 B. 25 C. 30 D. 50

Câu 3: Đơn phân cấu tạo nên protein là:

- A. Nucleotide B. Đường đơn C. Acid béo D. Amino acid

Câu 4: Loại nucleotide nào sau đây không có trong thành phần cấu tạo của RNA?

- A. Thymine B. Uracil C. Adenine D. Cytosine

Câu 5: Đường đôi do hai phân tử đường đơn liên kết với nhau bằng liên kết nào sau đây?

- A. Liên kết glycoside B. Liên kết peptide C. Liên kết cộng hóa trị S-S D. Liên kết ion

Câu 6: Nguyên tố hóa học nào sau đây là nguyên tố đa lượng

- A. Mangan (Mn). B. Iodine (I). C. Carbon (C). D. Coban (Co).

Câu 7: Thành phần nào sau đây không có ở tế bào nhân sơ?

- A. Nhân tế bào B. Lông C. Roi D. Màng tế bào

Câu 8: Điều không phải là đặc điểm chung của thế giới sống

- A. tổ chức theo nguyên tắc thứ bậc. B. hệ thống mở và tự điều chỉnh.
C. hệ thống khép kín với bên ngoài. D. liên tục tiến hóa.

Câu 9: Ở người, khi cơ thể bị thiếu Sắt sẽ gây ra bệnh:

- A. Bướu cổ. B. Parkinson. C. Sỏi thận. D. Thiếu máu.

Câu 10: Loại đường nào sau đây là đường đôi?

- A. Maltose B. Glucose C. Fructose D. Galactose

Câu 11: Loại phân tử sinh học nào sau đây không có cấu tạo theo nguyên tắc đa phân?

- A. Carbohydrate B. Lipid C. Protein D. Nucleic acid

Câu 12: Trong cơ thể người, nguyên tố hoá học nào sau đây chiếm tỷ lệ phần trăm về khối lượng lớn nhất?

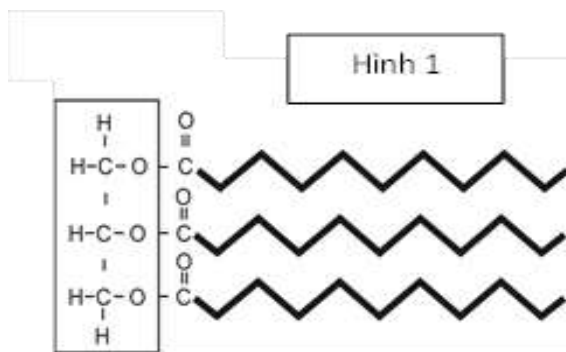
- A. Carbon B. Hydrogen C. Oxygen D. Nitrogen

II. TN ĐÚNG/ SAI

Câu 9: Các phát biểu khi nói về vai trò của các phân tử sinh học đối với cơ thể sinh vật , xét tính đúng/ sai của các phát biểu này?

- A. Dầu và mỡ đều có cấu tạo gồm một phân tử glycerol liên kết với ba phân tử acid béo.
B. Chitin tạo bộ khung xương của nhiều loài như tôm, cua, nhện ...
C. Protein giúp tế bào thay đổi hình dạng và di chuyển.
D. RNA có chức năng mang, bảo quản và truyền đạt thông tin di truyền.

Câu 2: hình vẽ sau mô tả cấu tạo của 1 loại phân tử sinh học trong tế bào



Xét tính đúng/ sai của các phát biểu sau:

- A. Phân tử trên được cấu tạo theo nguyên tắc đa phân, đơn phân là các phân tử glycerol
B. Phân tử trên hầu như không tan trong bất cứ dung môi nào.
C. Phân tử trên chứa nguồn năng lượng dự trữ, lâu dài cho cơ thể.
D. Nếu thường xuyên ăn phân tử trên, người già sẽ có nguy cơ bị cao huyết áp.